

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa

Bà Linh Thị Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thiêm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1966

Địa chỉ: ấp VK, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1966

Địa chỉ: ấp VK, xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI D V U ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau và đăng kí kết hôn vào năm 1988, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước khi chung sống với nhau, cả hai chưa có vợ có chồng.

Cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay, từ khi không sống chung vợ chồng không quan tâm mà bỏ mặc nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã

không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/9/1990. Con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà D về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông và bà D tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 1988, tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trong cuộc sống hôn nhân có phát sinh bất đồng hay cãi vã, vợ chồng thấy không chung sống với nhau được nữa. Ông và bà D đã không còn chung sống với nhau từ hơn 20 năm nay. Thời gian không sống chung đã lâu, hiện nay ông bà không còn tình cảm với nhau nên ông đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: quá trình chung sống, ông và bà D có 01 con chung là Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/9/1990. Con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Ông xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Về con chung: Con chung Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/9/1990 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động đề nghị không giải quyết. Về tài sản chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết. Về nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N, do đó xác định bà D là nguyên đơn, ông N là bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà Nguyễn Thị D trình bày sau khi kết hôn cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông bà đã sống không còn chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay, từ khi không sống chung vợ chồng không quan tâm mà bỏ mặc nhau. Hiện nay, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Ông N thừa nhận, cuộc sống hôn nhân phát sinh bất đồng hay cãi vã, vợ chồng thấy không chung sống với nhau được nữa. Hiện nay, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà D.

Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà D và ông N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông N là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: các con chung Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 20/9/1990 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N đều trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Bà D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N
2. Về con chung: Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết .
4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn N đều trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.
5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị D đã nộp theo biên lai thu số 0006153 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ vào án phí. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh